



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 1 tháng 3 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trí  
Ông Trần Văn Phở  
Ông Phạm Văn Tân  
Bà Trần Tường Anh  
Ông Nguyễn Ngọc Bình  
Ông Lê Quốc Ân  
Ông Đào Ngọc Phương

Chủ tịch (từ ngày 17/6/2017)  
Chủ tịch (đến ngày 16/6/2017)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 17/6/2017)  
Thành viên (từ ngày 17/6/2017)  
Thành viên (đến ngày 16/6/2017)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Huệ  
Ông Nguyễn Thanh Sơn  
Ông Nguyễn Ngọc Cách  
Ông Bùi Đình Thành  
Ông Phan Hữu Phú  
Bà Nguyễn Thị Phương Mai

Trưởng ban (từ ngày 17/6/2017)  
Thành viên (từ ngày 17/6/2017)  
Thành viên (từ ngày 17/6/2017)  
Trưởng ban (đến ngày 16/6/2017)  
Thành viên (đến ngày 16/6/2017)  
Thành viên (đến ngày 16/6/2017)

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Đức Trí  
Ông Nguyễn Văn Hải  
Bà Hoàng Thùy Oanh  
Bà Trần Tường Anh  
Ông Nguyễn Ngọc Bình  
Ông Phạm Ngọc Trung  
Bà Trần Thị Hòa Châu  
Ông Phan Văn Phước  
Ông Phan Quang Long  
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Đức Trí  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 8 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143-d



Wang Toun Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|                                                                       | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b>  |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|---------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                                        |                  |                        |                           |                          |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br><b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b> | <b>100</b>       |                        | <b>1.014.853.260.067</b>  | <b>1.029.229.524.286</b> |
| <b>Tiền</b>                                                           | <b>110</b>       | <b>4</b>               | <b>9.877.011.101</b>      | <b>19.546.211.922</b>    |
| Tiền                                                                  | 111              |                        | 9.877.011.101             | 19.546.211.922           |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                                      | <b>120</b>       |                        | <b>14.191.267.129</b>     | <b>37.822.032.865</b>    |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                       | 123              | 5(a)                   | 14.191.267.129            | 37.822.032.865           |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                                    | <b>130</b>       |                        | <b>302.478.522.202</b>    | <b>394.248.539.621</b>   |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                                      | 131              | 6                      | 246.793.332.160           | 346.176.100.042          |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                                      | 132              |                        | 46.535.275.275            | 45.837.143.277           |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                                          | 135              |                        | 806.400.000               | 718.800.000              |
| Phải thu ngắn hạn khác                                                | 136              | 7                      | 9.382.309.529             | 2.590.887.272            |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                                    | 137              | 8                      | (1.038.794.762)           | (1.074.390.970)          |
| <b>Hàng tồn kho</b>                                                   | <b>140</b>       | <b>9</b>               | <b>625.263.992.662</b>    | <b>518.763.560.424</b>   |
| Hàng tồn kho                                                          | 141              |                        | 625.461.040.372           | 518.763.560.424          |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                                        | 149              |                        | (197.047.710)             | -                        |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                                          | <b>150</b>       |                        | <b>63.042.466.973</b>     | <b>58.849.179.454</b>    |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                            | 151              | 13(a)                  | 6.816.262.273             | 6.806.203.437            |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                                   | 152              |                        | 56.197.793.312            | 52.035.592.075           |
| Thuế và các khoản khác phải thu<br>Nhà nước                           | 153              | 15(a)                  | 28.411.388                | 7.383.942                |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|                                                               | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b>  |
|---------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| <b>Tài sản dài hạn</b><br>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | <b>200</b>   |                    | <b>600.030.195.169</b>    | <b>568.628.421.633</b>   |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                             | <b>210</b>   |                    | <b>3.269.768.621</b>      | <b>1.608.800.000</b>     |
| Phải thu về cho vay dài hạn                                   | 215          |                    | 1.166.700.000             | 1.608.800.000            |
| Phải thu dài hạn khác                                         | 216          |                    | 2.103.068.621             | -                        |
| <b>Tài sản cố định</b>                                        | <b>220</b>   |                    | <b>507.586.010.408</b>    | <b>498.836.347.510</b>   |
| Tài sản cố định hữu hình                                      | 221          | 10                 | 504.283.982.706           | 495.485.848.446          |
| Nguyên giá                                                    | 222          |                    | 1.133.800.947.455         | 1.021.288.288.509        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                        | 223          |                    | (629.516.964.749)         | (525.802.440.063)        |
| Tài sản cố định vô hình                                       | 227          | 11                 | 3.302.027.702             | 3.350.499.064            |
| Nguyên giá                                                    | 228          |                    | 9.306.357.773             | 8.339.930.524            |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                        | 229          |                    | (6.004.330.071)           | (4.989.431.460)          |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                                | <b>240</b>   |                    | <b>23.345.796.656</b>     | <b>7.760.128.847</b>     |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                               | 242          | 12                 | 23.345.796.656            | 7.760.128.847            |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>                               | <b>250</b>   |                    | <b>48.497.181.832</b>     | <b>47.197.824.031</b>    |
| Đầu tư vào công ty con                                        | 251          | 5(b)               | 51.206.900.000            | 64.906.900.000           |
| Đầu tư vào các công ty liên kết                               | 252          | 5(b)               | 4.000.000.000             | 4.000.000.000            |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                | 253          | 5(b)               | 7.755.702.000             | 9.355.702.000            |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                             | 254          | 5(b)               | (19.370.420.168)          | (31.069.777.969)         |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                               | 255          | 5(a)               | 4.905.000.000             | 5.000.000                |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>260</b>   |                    | <b>17.331.437.652</b>     | <b>13.225.321.245</b>    |
| Chi phí trả trước dài hạn                                     | 261          | 13(b)              | 17.331.437.652            | 13.225.321.245           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b><br>(270 = 100 + 200)                 | <b>270</b>   |                    | <b>1.614.883.455.236</b>  | <b>1.597.857.945.919</b> |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|                                                        | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b>  |
|--------------------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                       |              |                    |                           |                          |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>                   | <b>300</b>   |                    | <b>1.222.198.383.237</b>  | <b>1.288.384.630.064</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                                     | <b>310</b>   |                    | <b>914.162.403.873</b>    | <b>959.237.770.943</b>   |
| Phải trả người bán ngắn hạn                            | 311          | 14                 | 193.881.468.619           | 200.119.199.524          |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn                      | 312          |                    | 7.982.594.411             | 5.993.730.055            |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                    | 313          | 15(b)              | 6.815.776.810             | 4.809.219.204            |
| Phải trả người lao động                                | 314          |                    | 107.269.015.025           | 105.892.370.359          |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                              | 315          | 16                 | 7.844.587.574             | 12.255.738.654           |
| Phải trả ngắn hạn khác                                 | 319          | 17                 | 14.676.179.397            | 11.530.369.535           |
| Vay ngắn hạn                                           | 320          | 18(a)              | 529.997.941.308           | 585.933.738.554          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                              | 322          | 19                 | 45.694.840.729            | 32.703.405.058           |
| <b>Nợ dài hạn</b>                                      | <b>330</b>   |                    | <b>308.035.979.364</b>    | <b>329.146.859.121</b>   |
| Phải trả người bán dài hạn                             | 331          | 14                 | -                         | 1.529.133.000            |
| Người mua trả tiền trước dài hạn                       | 332          |                    | 19.029.246.445            | 21.942.000.000           |
| Chi phí phải trả dài hạn                               | 333          |                    | -                         | 2.496.175.823            |
| Vay dài hạn                                            | 338          | 18(b)              | 289.006.732.919           | 303.179.550.298          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>                      | <b>400</b>   |                    | <b>392.685.071.999</b>    | <b>309.473.315.855</b>   |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                                  | <b>410</b>   | <b>20</b>          | <b>392.685.071.999</b>    | <b>309.473.315.855</b>   |
| Vốn cổ phần                                            | 411          | 21                 | 225.000.000.000           | 165.375.000.000          |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>        | 411a         |                    | 225.000.000.000           | 165.375.000.000          |
| Quỹ đầu tư phát triển                                  | 418          | 22                 | 81.691.135.310            | 71.004.131.623           |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                      | 421          |                    | 85.993.936.689            | 73.094.184.232           |
| - <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> | 421a         |                    | 5.386.228.461             | 52.904.960               |
| - <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>                   | 421b         |                    | 80.607.708.228            | 73.041.279.272           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>           | <b>440</b>   |                    | <b>1.614.883.455.236</b>  | <b>1.597.857.945.919</b> |

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



**Đặng Thị Oanh Nữ**  
Chuyên viên

Người duyệt:



**Nguyễn Văn Cường**  
Kế toán trưởng





**Nguyễn Đức Trị**  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|                                                                                      | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | 2017<br>VND              | 2016<br>VND              |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                               | 01        | 25             | 3.705.347.198.895        | 3.205.469.979.864        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                                                         | 02        | 25             | 1.610.578.166            | 591.036.676              |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và<br/>cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>            | <b>10</b> |                | <b>3.703.736.620.729</b> | <b>3.204.878.943.188</b> |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                                                              | <b>11</b> |                | <b>3.415.772.512.802</b> | <b>2.914.342.795.469</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>                                                  | <b>20</b> |                | <b>287.964.107.927</b>   | <b>290.536.147.719</b>   |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                        | 21        | 26             | 23.727.760.009           | 22.429.741.551           |
| Chi phí tài chính                                                                    | 22        | 27             | 16.649.132.377           | 55.966.782.503           |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                                            | 23        |                | 23.236.822.617           | 20.287.863.766           |
| Chi phí bán hàng                                                                     | 25        | 28             | 102.017.969.058          | 86.270.864.046           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                         | 26        | 29             | 107.815.123.855          | 93.744.609.514           |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br/>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b> | <b>30</b> |                | <b>85.209.642.646</b>    | <b>76.983.633.207</b>    |
| Thu nhập khác                                                                        | 31        | 30             | 2.370.625.625            | 2.088.448.928            |
| Chi phí khác                                                                         | 32        | 31             | 1.669.591.911            | 2.045.912.526            |
| <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>                                                 | <b>40</b> |                | <b>701.033.714</b>       | <b>42.536.402</b>        |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế<br/>(50 = 30 + 40)</b>                               | <b>50</b> |                | <b>85.910.676.360</b>    | <b>77.026.169.609</b>    |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                                                   | <b>51</b> | <b>33</b>      | <b>5.302.968.132</b>     | <b>3.984.890.337</b>     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>                                        | <b>60</b> |                | <b>80.607.708.228</b>    | <b>73.041.279.272</b>    |

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởngNguyễn Đức Trị  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|                                                                                           | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>2017<br/>VND</b>     | <b>2016<br/>VND</b>      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                            |              |                    |                         |                          |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                               | <b>01</b>    |                    | <b>85.910.676.360</b>   | <b>77.026.169.609</b>    |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                           |              |                    |                         |                          |
| Khấu hao và phân bổ                                                                       | 02           |                    | 109.829.031.468         | 92.830.632.898           |
| Các khoản dự phòng                                                                        | 03           |                    | (11.537.906.299)        | 13.282.131.188           |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04           |                    | (483.524.074)           | 11.319.380.521           |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                   | 05           |                    | (5.547.950.833)         | (2.429.157.647)          |
| Chi phí lãi vay                                                                           | 06           |                    | 23.236.822.617          | 20.287.863.766           |
| Các khoản điều chỉnh khác                                                                 | 07           |                    | -                       | (1.746.455.042)          |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>                | <b>08</b>    |                    | <b>201.407.149.239</b>  | <b>210.570.565.293</b>   |
| Biến động các khoản phải thu                                                              | 09           |                    | 85.716.545.922          | (151.824.997.212)        |
| Biến động hàng tồn kho                                                                    | 10           |                    | (106.697.479.948)       | (103.029.344.880)        |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                                          | 11           |                    | (9.116.269.696)         | 3.568.719.678            |
| Biến động chi phí trả trước                                                               | 12           |                    | (2.792.494.756)         | 317.965.300              |
|                                                                                           |              |                    | <b>168.517.450.761</b>  | <b>(40.397.091.821)</b>  |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                       | 14           |                    | (19.410.393.752)        | (17.538.220.409)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                         | 15           |                    | (5.077.398.847)         | (3.128.680.021)          |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                     | 16           |                    | 418.419.115             | 497.971.082              |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                    | 17           |                    | (3.104.185.528)         | (4.300.146.296)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                      | <b>20</b>    |                    | <b>141.343.891.749</b>  | <b>(64.866.167.465)</b>  |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                |              |                    |                         |                          |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác                        | 21           |                    | (132.630.100.659)       | (128.275.985.830)        |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác                  | 22           |                    | 669.818.181             | 952.447.273              |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác                                  | 23           |                    | (5.330.000.000)         | (34.365.220.365)         |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác                          | 24           |                    | 24.684.500.000          | 638.400.000              |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                                               | 25           |                    | -                       | (21.020.000.000)         |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                                           | 26           |                    | 15.300.000.000          | -                        |
| Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức                                              | 27           |                    | 3.782.177.556           | 1.839.324.463            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                          | <b>30</b>    |                    | <b>(93.523.604.922)</b> | <b>(180.231.034.459)</b> |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|                                                                | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>2017<br/>VND</b>     | <b>2016<br/>VND</b>    |
|----------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                  |              |                    |                         |                        |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu                                 | 31           |                    | 59.625.000.000          | 7.875.000.000          |
| Tiền thu từ đi vay                                             | 33           |                    | 2.895.571.926.362       | 2.700.430.840.746      |
| Tiền trả nợ gốc vay                                            | 34           |                    | (2.971.520.578.138)     | (2.420.869.308.373)    |
| Tiền trả cổ tức                                                | 36           |                    | (41.238.910.150)        | (47.053.215.000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b>    |                    | <b>(57.562.561.926)</b> | <b>240.383.317.373</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>     | <b>50</b>    |                    | <b>(9.742.275.099)</b>  | <b>(4.713.884.551)</b> |
| <b>Tiền đầu năm</b>                                            | <b>60</b>    | <b>4</b>           | <b>19.546.211.922</b>   | <b>23.816.627.729</b>  |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b> | <b>61</b>    |                    | <b>73.074.278</b>       | <b>443.468.744</b>     |
| <b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>                       | <b>70</b>    | <b>4</b>           | <b>9.877.011.101</b>    | <b>19.546.211.922</b>  |

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

*Đặng Thị Oanh Nữ*

**Đặng Thị Oanh Nữ**  
Chuyên viên

Người duyệt:

*Nguyễn Văn Cường*

**Nguyễn Văn Cường**  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Đức Tri*

**Nguyễn Đức Tri**  
Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

| <b>Tên</b>                                                                       | <b>Thông tin chính</b>                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh       | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty. |
| ▪ Chi nhánh Thành phố Biên Hòa - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ            | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-002 ngày 29 tháng 1 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.          |
| ▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ              | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.      |
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn  | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.         |
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.         |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| <b>Tên</b>                                                                              | <b>Thông tin chính</b>                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.  |
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi     | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty. |
| ▪ Chi nhánh Bạc Liêu - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ                             | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-015 ngày 7 tháng 11 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.    |
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Cần Thơ                  | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cần Thơ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-016 ngày 15 tháng 11 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.    |
| ▪ Chi nhánh Tỉnh Nghệ An – Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ                         | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-017 ngày 19 tháng 12 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.    |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 6 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 7 công ty con và 1 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 8.674 nhân viên (1/1/2017: 8.836 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa                | 10 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 5 – 15 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm  |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 5 năm   |
| ▪ tài sản khác           | 2 – 5 năm   |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

***(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác***

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

2.HH  
★  
10.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**4. Tiền**

|                    | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2017</b><br><b>VND</b> |
|--------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt           | 36.428.500                      | 20.359.500                    |
| Tiền gửi ngân hàng | 9.840.582.601                   | 19.525.852.422                |
|                    | <hr/> 9.877.011.101             | <hr/> 19.546.211.922 <hr/>    |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                                            | 31/12/2017     |                       | 1/1/2017       |                       |
|--------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
|                                            | Giá gốc<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn |                |                       |                |                       |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn                       | 14.191.267.129 | 14.191.267.129        | 37.822.032.865 | 37.822.032.865        |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn  |                |                       |                |                       |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn                       | 4.905.000.000  | (*)                   | 5.000.000      | (*)                   |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,2% đến 7,2% (2016: từ 6% đến 7,2%) một năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 6,2% đến 6,6% (2016: 6%) một năm.

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                             |                      | 31/12/2017 |                          |                |                 | 1/1/2017                        |             |                          |                |                  |
|---------------------------------------------|----------------------|------------|--------------------------|----------------|-----------------|---------------------------------|-------------|--------------------------|----------------|------------------|
| Địa chỉ                                     | Số lượng<br>cổ phiếu | % sở hữu   | % quyền<br>biểu<br>quyết | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Số lượng<br>cổ phiếu            | % sở<br>hữu | % quyền<br>biểu<br>quyết | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND  |
| Đầu tư góp vốn vào:                         |                      |            |                          |                |                 |                                 |             |                          |                |                  |
| <i>Công ty con</i>                          |                      |            |                          |                |                 |                                 |             |                          |                |                  |
| Công ty Cổ phần<br>Thời trang Hòa Thọ       | 266.790              | 76,88%     | 76,88%                   | 2.667.900.000  | (2.667.900.000) | 266.790                         | 76,88%      | 76,88%                   | 2.667.900.000  | (2.667.900.000)  |
| Công ty Cổ phần May Hòa<br>Thọ - Quảng Nam  | 642.800              | 32,14%     | 54,00%                   | 6.428.000.000  | -               | 642.800                         | 32,14%      | 54,00%                   | 6.428.000.000  | -                |
| Công ty Cổ phần May Hòa<br>Thọ - Hội An     | 541.800              | 54,18%     | 54,18%                   | 5.418.000.000  | (3.218.625.775) | 541.800                         | 54,18%      | 54,18%                   | 5.418.000.000  | (2.734.047.918)  |
| Công ty Cổ phần May Hòa<br>Thọ - Duy Xuyên  | 817.300              | 81,73%     | 81,73%                   | 8.173.000.000  | -               | 817.300                         | 81,73%      | 81,73%                   | 8.173.000.000  | -                |
| Công ty Cổ phần Sợi Hòa<br>Thọ - Thăng Bình | 2.652.000            | 51,00%     | 51,00%                   | 26.520.000.000 | (3.157.658.895) | 2.652.000                       | 51,00%      | 51,00%                   | 26.520.000.000 | (1.667.830.051)  |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí<br>Xây dựng Hòa Thọ | -                    | 100%       | 100%                     | 2.000.000.000  | -               | -                               | 100%        | 100%                     | 2.000.000.000  | -                |
| Công ty Cổ phần May Hiệp<br>Đức (*)         | -                    | -          | -                        | -              | -               | 1.370.000                       | 68,50%      | 68,50%                   | 13.700.000.000 | (13.700.000.000) |
|                                             |                      |            |                          | 51.206.900.000 | (9.044.184.670) |                                 |             |                          |                |                  |
|                                             |                      |            |                          |                |                 | 64.906.900.000 (20.769.777.969) |             |                          |                |                  |
| <i>Công ty liên kết</i>                     |                      |            |                          |                |                 |                                 |             |                          |                |                  |
| Công ty Cổ phần May Hòa<br>Thọ - Phú Ninh   | 400.000              | 20,00%     | 20,00%                   | 4.000.000.000  | (4.000.000.000) | 400.000                         | 20,00%      | 20,00%                   | 4.000.000.000  | (4.000.000.000)  |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|                                                       | 31/12/2017                     |                      |          |                          | 1/1/2017       |                  |                      |             |                          |                |                  |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------|----------------|------------------|----------------------|-------------|--------------------------|----------------|------------------|
|                                                       | Địa chỉ                        | Số lượng<br>cổ phiếu | % sở hữu | % quyền<br>biểu<br>quyết | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND  | Số lượng<br>cổ phiếu | % sở<br>hữu | % quyền<br>biểu<br>quyết | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND  |
| <b>Đơn vị khác</b>                                    |                                |                      |          |                          |                |                  |                      |             |                          |                |                  |
| Công ty Cổ phần Bông vải<br>Miền Trung                | Khánh Hòa                      | 65.000               | 7,12%    | 7,12%                    | 855.702.000    | (26.235.498)     | 65.000               | 7,12%       | 7,12%                    | 855.702.000    | -                |
| Công ty Cổ phần Bao bì Hòa<br>Thọ Quảng Đà            | Quảng Nam<br>Thừa Thiên<br>Huế | 60.000               | 10,91%   | 10,91%                   | 600.000.000    | -                | 60.000               | 10,91%      | 10,91%                   | 600.000.000    | -                |
| Công ty Cổ phần<br>Dệt May Phú Hòa An (*)             |                                | -                    | -        | -                        | -              | -                | 160.000              | 8,00%       | 8,00%                    | 1.600.000.000  | -                |
| Công ty Cổ phần Thương mại<br>Dệt May TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí<br>Minh             | 630.000              | 14,00%   | 14,00%                   | 6.300.000.000  | (6.300.000.000)  | 630.000              | 14,00%      | 14,00%                   | 6.300.000.000  | (6.300.000.000)  |
|                                                       |                                |                      |          |                          | 7.755.702.000  | (6.326.235.498)  |                      |             |                          | 9.355.702.000  | (6.300.000.000)  |
|                                                       |                                |                      |          |                          | 62.962.602.000 | (19.370.420.168) |                      |             |                          | 78.262.602.000 | (31.069.777.969) |

(\*) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần May Hiệp Đức và Công ty Cổ phần Dệt May Phú Hòa An cho một bên thứ ba với giá chuyển nhượng bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

|                                          | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|------------------------------------------|-------------------|-----------------|
|                                          | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Motives (Far East) Limited               | 116.161.660.223   | 76.923.942.212  |
| Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình | 34.026.138.653    | 29.662.699.545  |
| Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya             | 19.480.437.010    | 11.986.944.170  |
| Supreme International Inc.               | 13.391.542.904    | 33.241.719.128  |
| Haggal Clothing Co.                      | 4.416.632.069     | 28.222.499.338  |
| Destination XL Group Inc.                | 3.440.006.798     | 34.381.065.180  |
| Aurora Investment Global Inc             | -                 | 12.991.257.536  |
| Hultafors Group AB                       | -                 | 14.987.740.227  |
| Các khách hàng khác                      | 55.876.914.503    | 103.778.232.706 |
|                                          | 246.793.332.160   | 346.176.100.042 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 203.000 triệu VND (1/1/2017: 133.000 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

|                                          | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|------------------------------------------|-------------------|-----------------|
|                                          | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình | 34.026.138.653    | 29.662.699.545  |
| Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ       | 273.630.030       | 1.272.218.668   |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên  | 150.000.000       | -               |
| Công ty Cổ phần May Hiệp Đức             | -                 | 18.591.023      |
| Các công ty liên quan khác               | -                 | 615.211.786     |
|                                          | 34.449.768.683    | 31.568.721.022  |

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                                       | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2017</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên | 871.204                         | 22.220.934                    |
| Tạm ứng                                               | 1.020.240.591                   | 1.211.151.177                 |
| Kí quỹ, kí cược ngắn hạn                              | 6.369.490.920                   | -                             |
| Phải thu thuế nhập khẩu tạm nộp                       | -                               | 41.569.160                    |
| Phải thu khác                                         | 1.991.706.814                   | 1.315.946.001                 |
|                                                       | <hr/>                           | <hr/>                         |
|                                                       | 9.382.309.529                   | 2.590.887.272                 |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

|                                               | 31/12/2017     |                 |                                  | 1/1/2017             |                |                 |                                  |
|-----------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|----------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|
| Thời gian<br>quá hạn                          | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Thời gian<br>quá hạn | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND |
| Nợ quá hạn                                    |                |                 |                                  |                      |                |                 |                                  |
| Công ty TNHH Thương mại<br>Dịch vụ Song Hoàng | -              | -               | -                                | 6 tháng đến<br>1 năm | 168.509.526    | (50.552.858)    | 117.956.668                      |
| Công ty TNHH Thanh Thu                        | Trên 3 năm     | 428.360.000     | (428.360.000)                    | Trên 3 năm           | 428.360.000    | (299.852.000)   | 128.508.000                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư<br>Phong Phú Sơn Trà   | Trên 3 năm     | 464.924.753     | (464.924.753)                    | Trên 3 năm           | 464.924.753    | (464.924.753)   | -                                |
| Công ty TNHH Dệt May<br>Hoàng Anh             | Trên 3 năm     | 96.888.118      | (96.888.118)                     | Trên 3 năm           | 96.888.118     | (96.888.118)    | -                                |
| Khác                                          | Trên 3 năm     | 48.621.891      | (48.621.891)                     | Trên 3 năm           | 162.173.241    | (162.173.241)   | -                                |
|                                               |                | 1.038.794.762   | (1.038.794.762)                  | -                    | 1.320.855.638  | (1.074.390.970) | 246.464.668                      |

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi –  
ngắn hạn

(1.038.794.762)

(1.074.390.970)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

|                                     | <b>31/12/2017</b>      |                         | <b>1/1/2017</b>        |                         |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                     | <b>Giá gốc<br/>VND</b> | <b>Dự phòng<br/>VND</b> | <b>Giá gốc<br/>VND</b> | <b>Dự phòng<br/>VND</b> |
| Hàng mua đang đi trên đường         | 63.150.243.596         | -                       | 74.821.368.723         | -                       |
| Nguyên vật liệu                     | 185.449.771.674        | -                       | 151.767.432.183        | -                       |
| Công cụ và dụng cụ                  | 125.411.229            | -                       | 124.010.673            | -                       |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 211.371.764.230        | -                       | 206.141.044.893        | -                       |
| Thành phẩm                          | 72.905.961.695         | (197.047.710)           | 65.904.306.710         | -                       |
| Hàng hóa                            | 540.361.780            | -                       | 768.909.285            | -                       |
| Hàng gửi đi bán                     | 91.917.526.168         | -                       | 19.236.487.957         | -                       |
|                                     | <b>625.461.040.372</b> | <b>(197.047.710)</b>    | <b>518.763.560.424</b> | <b>-</b>                |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 221.188 triệu VND (1/1/2017: 213.881 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 222 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2017: 0 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá                                   | Nhà cửa<br>VND  | Máy móc<br>và thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận chuyển<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Tài sản khác<br>VND | Tổng cộng<br>VND  |
|----------------------------------------------|-----------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm                                | 229.222.672.969 | 683.183.393.028               | 32.592.415.245                   | 6.466.274.639                | 69.823.532.628      | 1.021.288.288.509 |
| Tăng trong năm                               | 2.735.624.042   | 11.216.091.997                | 3.747.480.567                    | 175.981.818                  | 1.707.853.210       | 19.583.031.634    |
| Chuyển từ chi phí xây dựng<br>cơ bản dở dang | 37.997.358.160  | 60.038.433.295                | -                                | -                            | 19.523.196          | 98.055.314.651    |
| Thanh lý                                     | (83.160.000)    | (3.315.662.634)               | (1.034.536.527)                  | (692.328.178)                | -                   | (5.125.687.339)   |
| Số dư cuối năm                               | 269.872.495.171 | 751.122.255.686               | 35.305.359.285                   | 5.949.928.279                | 71.550.909.034      | 1.133.800.947.455 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>                |                 |                               |                                  |                              |                     |                   |
| Số dư đầu năm                                | 71.982.575.710  | 396.779.115.406               | 20.783.046.020                   | 3.608.869.138                | 32.648.833.789      | 525.802.440.063   |
| Khấu hao trong năm                           | 15.211.011.037  | 79.018.797.547                | 3.694.160.964                    | 921.749.025                  | 9.968.414.284       | 108.814.132.857   |
| Thanh lý                                     | (83.160.000)    | (3.315.662.634)               | (1.034.536.527)                  | (666.249.010)                | -                   | (5.099.608.171)   |
| Số dư cuối năm                               | 87.110.426.747  | 472.482.250.319               | 23.442.670.457                   | 3.864.369.153                | 42.617.248.073      | 629.516.964.749   |
| <b>Giá trị còn lại</b>                       |                 |                               |                                  |                              |                     |                   |
| Số dư đầu năm                                | 157.240.097.259 | 286.404.277.622               | 11.809.369.225                   | 2.857.405.501                | 37.174.698.839      | 495.485.848.446   |
| Số dư cuối năm                               | 182.762.068.424 | 278.640.005.367               | 11.862.688.828                   | 2.085.559.126                | 28.933.660.961      | 504.283.982.706   |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 185.492 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 165.699 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 353.132 triệu VND (1/1/2017: 495.486 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

|                               | <b>Phần mềm<br/>máy vi tính<br/>VND</b> |
|-------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                         |
| Số dư đầu năm                 | 8.339.930.524                           |
| Tăng trong năm                | 966.427.249                             |
|                               | <hr/>                                   |
| Số dư cuối năm                | 9.306.357.773                           |
|                               | <hr/>                                   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                         |
| Số dư đầu năm                 | 4.989.431.460                           |
| Khấu hao trong năm            | 1.014.898.611                           |
|                               | <hr/>                                   |
| Số dư cuối năm                | 6.004.330.071                           |
|                               | <hr/>                                   |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                         |
| Số dư đầu năm                 | 3.350.499.064                           |
| Số dư cuối năm                | 3.302.027.702                           |
|                               | <hr/>                                   |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.840 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 3.485 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                                       | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b> |
|---------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm                         | 7.760.128.847       | 2.945.544.447       |
| Tăng trong năm                        | 114.964.662.947     | 76.616.419.448      |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình  | (98.055.314.651)    | (70.851.160.048)    |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (1.323.680.487)     | (950.675.000)       |
|                                       | <hr/>               | <hr/>               |
| Số dư cuối năm                        | 23.345.796.656      | 7.760.128.847       |
|                                       | <hr/>               | <hr/>               |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

|                                             | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2017</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Mở rộng Nhà máy May Hòa Thọ 1 – giai đoạn 2 | -                               | 5.669.589.559                 |
| Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1               | 22.487.064.840                  | -                             |
| Mở rộng Nhà máy May Đông Hà                 | 509.959.091                     | 1.008.904.547                 |
| Khác                                        | 348.772.725                     | 1.081.634.741                 |
|                                             | <hr/> 23.345.796.656            | <hr/> 7.760.128.847 <hr/>     |

### **13. Chi phí trả trước**

#### **(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2017</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước phí bảo hiểm              | 653.439.277                     | 621.783.282                   |
| Công cụ và dụng cụ                  | 3.059.785.947                   | 2.615.960.438                 |
| Chi phí trả trước về thuê hoạt động | 625.649.168                     | 743.924.546                   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác     | 2.477.387.881                   | 2.824.535.171                 |
|                                     | <hr/> 6.816.262.273             | <hr/> 6.806.203.437 <hr/>     |

#### **(b) Chi phí trả trước dài hạn**

|                                              | <b>Công cụ<br/>và dụng cụ<br/>VND</b> | <b>Chi phí trả trước<br/>dài hạn khác<br/>VND</b> | <b>Tổng cộng<br/>VND</b>   |
|----------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------|
| Số dư đầu năm                                | 10.334.708.135                        | 2.890.613.110                                     | 13.225.321.245             |
| Tăng trong năm                               | 8.169.383.420                         | 6.817.451.447                                     | 14.986.834.867             |
| Chuyển từ chi phí xây dựng<br>cơ bản dở dang | 1.323.680.487                         | -                                                 | 1.323.680.487              |
| Thanh lý                                     | (1.500.000)                           | -                                                 | (1.500.000)                |
| Phân bổ trong năm                            | (7.939.737.474)                       | (4.263.161.473)                                   | (12.202.898.947)           |
| Số dư cuối năm                               | <hr/> 11.886.534.568                  | <hr/> 5.444.903.084                               | <hr/> 17.331.437.652 <hr/> |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

|                                                               | <b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b> |                        |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|
|                                                               | <b>31/12/2017</b>                       | <b>1/1/2017</b>        |
|                                                               | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>             |
| Hultafors Group AB                                            | 21.335.354.164                          | 9.406.862.612          |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam                                     | 9.230.356.984                           | -                      |
| Fujian Jung Wei New Fiber Science and<br>Technology Co., Ltd. | 8.159.829.710                           | -                      |
| Indorama Polyester Industries PCL                             | 8.113.148.762                           | -                      |
| Manhattan Outdoor Wear Factory Limited                        | 7.863.820.177                           | 1.001.785.780          |
| Pang Rim Co., Ltd                                             | 6.261.482.533                           | 678.881.035            |
| Gozek Tekstil Ithakat Ihracat SAN                             | 5.905.995.057                           | -                      |
| Kufner Hongkong Limited                                       | 5.730.921.028                           | 7.131.814.011          |
| Motives (Far East) Limited                                    | 3.048.790.041                           | 2.455.477.607          |
| Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam                       | 5.468.668.883                           | 7.081.930.651          |
| Ban Quản lý Cơ sở Hạ tầng Tỉnh Quảng Trị                      | 1.529.133.000                           | 3.054.133.000          |
| Devcot S.A                                                    | -                                       | 11.802.053.051         |
| Joyful OutDoors Limited                                       | -                                       | 9.592.180.180          |
| Toyobo Apparel Systems Limited                                | -                                       | 9.484.071.654          |
| Sport Field Limited                                           | -                                       | 9.430.487.392          |
| The Kingtex Corporation                                       | 3.400.535.534                           | 2.466.047.907          |
| Các nhà cung cấp khác                                         | 107.833.432.746                         | 128.741.488.679        |
|                                                               | <b>193.881.468.619</b>                  | <b>201.648.332.524</b> |

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

|          | <b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b> |                        |
|----------|-----------------------------------------|------------------------|
|          | <b>31/12/2017</b>                       | <b>1/1/2017</b>        |
|          | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>             |
| Ngắn hạn | 193.881.468.619                         | 200.119.199.524        |
| Dài hạn  | -                                       | 1.529.133.000          |
|          | <b>193.881.468.619</b>                  | <b>201.648.332.524</b> |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

|                                         | <b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ<br/>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b> |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------|
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam               | 9.230.356.984                                                  | -                       |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú            | 2.450.803.264                                                  | 1.827.114.939           |
| Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà | 1.394.875.199                                                  | 1.334.214.058           |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú       | 201.218.281                                                    | -                       |
| Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP          | 148.992.087                                                    | 148.992.087             |
| Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam | 5.468.668.883                                                  | 7.081.930.651           |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An    | -                                                              | 18.489.484              |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên | -                                                              | 137.896.431             |
|                                         | <b>18.894.914.698</b>                                          | <b>10.548.637.650</b>   |

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

|                    | <b>1/1/2017<br/>VND</b> | <b>Số phải thu<br/>trong năm<br/>VND</b> | <b>Số đã được hoàn<br/>lại/ khấu trừ<br/>trong năm<br/>VND</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> |
|--------------------|-------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Thuế nhập khẩu     | -                       | 27.500.761                               | -                                                              | 27.500.761                |
| Các loại thuế khác | 7.383.942               | -                                        | (6.473.315)                                                    | 910.627                   |
|                    | <b>7.383.942</b>        | <b>27.500.761</b>                        | <b>(6.473.315)</b>                                             | <b>28.411.388</b>         |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                               | <b>1/1/2017<br/>VND</b> | <b>Số phải nộp<br/>trong năm<br/>VND</b> | <b>Số đã nộp/bù trừ<br/>trong năm<br/>VND</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> |
|-------------------------------|-------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng         | 2.562.308.883           | 90.570.489.027                           | (88.792.352.734)                              | 4.340.445.176             |
| Thuế nhập khẩu                | -                       | 1.955.750.690                            | (1.955.750.690)                               | -                         |
| Thuế thu nhập<br>doanh nghiệp | 2.204.990.723           | 5.302.968.132                            | (5.077.398.847)                               | 2.430.560.008             |
| Thuế thu nhập cá nhân         | 41.919.598              | 2.137.287.186                            | (2.134.435.158)                               | 44.771.626                |
| Tiền thuế đất                 | -                       | 3.805.281.342                            | (3.805.281.342)                               | -                         |
| Các loại thuế khác            | -                       | 783.381.000                              | (783.381.000)                                 | -                         |
|                               | <b>4.809.219.204</b>    | <b>104.555.157.377</b>                   | <b>(102.548.599.771)</b>                      | <b>6.815.776.810</b>      |

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                            | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Chi phí hoạt động          | 6.537.047.256             | 10.979.981.808          |
| Chi phí lãi vay            | 893.249.648               | 993.948.626             |
| Các khoản trích trước khác | 414.290.670               | 281.808.220             |
|                            | <b>7.844.587.574</b>      | <b>12.255.738.654</b>   |

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                   | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b> |
|-----------------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Kinh phí công đoàn                | 8.341.981.557             | 6.202.609.102           |
| Bảo hiểm xã hội                   | -                         | 509.738.111             |
| Bảo hiểm y tế                     | 7.284.663                 | 75.311.350              |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn     | 695.536.532               | 77.918.118              |
| Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại | 352.342.523               | 1.004.322.605           |
| Cổ tức phải trả                   | 655.700.547               | 550.860.697             |
| Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ         | 783.985.878               | 797.485.878             |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 3.839.347.697             | 2.312.123.674           |
|                                   | <b>14.676.179.397</b>     | <b>11.530.369.535</b>   |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

|                         | 1/1/2017<br>Giá trị ghi sổ và<br>số có khả năng trả nợ<br>VND | Tăng<br>VND       | Biến động trong năm<br>Giảm<br>VND | Chênh lệch tỷ giá<br>chưa thực hiện<br>VND | 31/12/2017<br>Giá trị ghi sổ và<br>số có khả năng trả nợ<br>VND |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Vay ngắn hạn            | 554.024.347.525                                               | 2.880.610.339.862 | (2.933.766.663.741)                | 383.612.441                                | 501.251.636.087                                                 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 31.909.391.029                                                | 29.902.175.486    | (32.994.503.460)                   | (70.757.834)                               | 28.746.305.221                                                  |
|                         | 585.933.738.554                                               | 2.910.512.515.348 | (2.966.761.167.201)                | 312.854.607                                | 529.997.941.308                                                 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

|                               | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2017<br>VND | 1/1/2017<br>VND |
|-------------------------------|-----------|--------------|-------------------|-----------------|
| Vay ngân hàng 1 (ii)          | USD       | 1,8%         | 156.641.387.962   | 133.298.746.867 |
| Vay ngân hàng 2 (ii)          | USD       | 1,9 – 2,1%   | 76.041.333.812    | 133.034.316.314 |
| Vay ngân hàng 3 (ii)          | USD       | 1,9%         | 72.342.581.182    | 113.203.983.906 |
| Vay ngân hàng 4 (i)           | USD       | 1,2% - 1,8%  | -                 | 19.857.438.366  |
| Vay ngân hàng 5 (i)           | USD       | 2,5%         | 25.674.654.486    | 30.492.987.424  |
| Vay ngân hàng 6 (i)           | USD       | 1,9%         | 40.286.373.580    | 81.649.521.559  |
| Vay ngân hàng 7 (i)           | USD       | 1,75%        | 130.115.305.065   | 24.542.924.237  |
| Vay Ban liên lạc hưu trí (ii) | VND       | 10%          | 150.000.000       | 157.360.000     |
| Vay ngân hàng 9 (i)           | VND       | 4,4%         | -                 | 17.787.068.852  |
|                               |           |              | 501.251.636.087   | 554.024.347.525 |

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

|                                       | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2017</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn                           | 317.753.038.140                 | 335.088.941.327               |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (28.746.305.221)                | (31.909.391.029)              |
|                                       | <hr/>                           | <hr/>                         |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng        | 289.006.732.919                 | 303.179.550.298               |
|                                       | <hr/>                           | <hr/>                         |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

|                                 | <b>Loại tiền</b> | <b>Lãi suất<br/>năm</b> | <b>Năm đáo<br/>hạn</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2017</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngân hàng 1 (i)             | USD              | 4,5%                    | 2021                   | 49.863.684.153                  | 64.251.359.338                |
| Vay ngân hàng 2 (i)             | USD              | 4,0%                    | 2020                   | -                               | 2.993.753.789                 |
| Vay ngân hàng 3 (i)             | USD              | 4,0%                    | 2018                   | -                               | 1.283.483.156                 |
| Vay ngân hàng 4 (i)             | USD              | 4,0%                    | 2021                   | -                               | 3.916.185.142                 |
| Vay ngân hàng 5 (i)             | USD              | 4,0%                    | 2021                   | 12.480.091.390                  | 17.510.647.011                |
| Vay ngân hàng 6 (i)             | USD              | 5,0%                    | 2021                   | 4.330.051.485                   | 5.579.879.698                 |
| Vay ngân hàng 7 (i)             | USD              | 3,6%                    | 2021                   | 4.924.145.488                   | 6.280.870.747                 |
| Vay ngân hàng 8 (i)             | USD              | 4,5%                    | 2022                   | 14.963.618.830                  | -                             |
| Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)  | USD              | 3,0%                    | 2017                   | -                               | 3.191.860.000                 |
| Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)  | USD              | 2,5%                    | 2021                   | 18.199.200.000                  | 22.799.000.000                |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam (iii) | USD              | LIBOR +<br>0,7%         | 2035                   | 212.992.246.794                 | 207.281.902.446               |
|                                 |                  |                         |                        | <hr/>                           | <hr/>                         |
|                                 |                  |                         |                        | 317.753.038.140                 | 335.088.941.327               |
|                                 |                  |                         |                        | <hr/>                           | <hr/>                         |

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

|                     | <b>2017</b><br><b>VND</b> | <b>2016</b><br><b>VND</b> |
|---------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm       | 32.703.405.058            | 23.629.416.458            |
| Trích lập trong năm | 15.677.202.084            | 12.876.163.814            |
| Tặng khác           | 418.419.115               | 497.971.082               |
| Sử dụng trong năm   | (3.104.185.528)           | (4.300.146.296)           |
| Số dư cuối năm      | 45.694.840.729            | 32.703.405.058            |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|                                            | Vốn cổ phần<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|--------------------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>   | 157.500.000.000    | 59.999.326.634                  | 71.183.873.763                     | 288.683.200.397  |
| Phát hành cổ phiếu                         | 7.875.000.000      | -                               | -                                  | 7.875.000.000    |
| Lợi nhuận thuần trong năm                  | -                  | -                               | 73.041.279.272                     | 73.041.279.272   |
| Phân bổ vào các quỹ                        | -                  | 11.004.804.989                  | (11.004.804.989)                   | -                |
| Cổ tức (Thuyết minh 23)                    | -                  | -                               | (47.250.000.000)                   | (47.250.000.000) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi      | -                  | -                               | (12.876.163.814)                   | (12.876.163.814) |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>   | 165.375.000.000    | 71.004.131.623                  | 73.094.184.232                     | 309.473.315.855  |
| Phát hành cổ phiếu (*)                     | 59.625.000.000     | -                               | -                                  | 59.625.000.000   |
| Lợi nhuận thuần trong năm                  | -                  | -                               | 80.607.708.228                     | 80.607.708.228   |
| Phân bổ vào các quỹ                        | -                  | 10.687.003.687                  | (10.687.003.687)                   | -                |
| Cổ tức (Thuyết minh 23)                    | -                  | -                               | (41.343.750.000)                   | (41.343.750.000) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi      | -                  | -                               | (15.677.202.084)                   | (15.677.202.084) |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b> | 225.000.000.000    | 81.691.135.310                  | 85.993.936.689                     | 392.685.071.999  |

(\*) Trong năm, Tổng Công ty đã phát hành thêm 5.962.500 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 165.375 triệu VND lên 225.000 triệu VND.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

|                                  | 31/12/2017  |                 | 1/1/2017    |                 |
|----------------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
|                                  | Số cổ phiếu | VND             | Số cổ phiếu | VND             |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>    | 22.500.000  | 225.000.000.000 | 16.537.500  | 165.375.000.000 |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>  |             |                 |             |                 |
| Cổ phiếu phổ thông               | 22.500.000  | 225.000.000.000 | 16.537.500  | 165.375.000.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> |             |                 |             |                 |
| Cổ phiếu phổ thông               | 22.500.000  | 225.000.000.000 | 16.537.500  | 165.375.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

|                              | 31/12/2017  |                 | 1/1/2017    |                 |
|------------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
|                              | Số cổ phiếu | VND             | Số cổ phiếu | VND             |
| Số dư đầu năm                | 16.537.500  | 165.375.000.000 | 15.750.000  | 157.500.000.000 |
| Cổ phiếu phát hành trong năm | 5.962.500   | 59.625.000.000  | 787.500     | 7.875.000.000   |
| Số dư cuối năm               | 22.500.000  | 225.000.000.000 | 16.537.500  | 165.375.000.000 |

## 22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 16 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 41.344 triệu VND cho năm 2016, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (2016: 47.250 triệu VND cho năm 2015, tương đương 30% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015).

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT về việc dự kiến tỷ lệ chia cổ tức năm 2017 cho các cổ đông là 20% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                            | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
|                            | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Trong vòng hai đến năm năm | 21.778.588.963    | 16.921.871.167  |
| Sau năm năm                | 12.303.194.208    | 17.159.912.004  |
|                            | 34.081.783.171    | 34.081.783.171  |

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

|                               | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|
|                               | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Vật tư hàng hóa nhận gia công | 107.961.364.060   | 139.477.888.472 |

**(c) Ngoại tệ các loại**

|     | <b>31/12/2017</b> |                        | <b>1/1/2017</b>  |                        |
|-----|-------------------|------------------------|------------------|------------------------|
|     | <b>Nguyên tệ</b>  | <b>Tương đương VND</b> | <b>Nguyên tệ</b> | <b>Tương đương VND</b> |
| USD | 260.955           | 5.911.110.748          | 187.092          | 4.249.746.528          |
| EUR | 256               | 6.929.126              | 269              | 6.399.576              |
|     |                   | 5.918.039.874          |                  | 4.256.146.104          |

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

|                                          | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|------------------------------------------|-------------------|-----------------|
|                                          | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 43.800.000.000    | 6.800.000.000   |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                      | <b>2017</b><br><b>VND</b> | <b>2016</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi và cho vay              | 4.051.411.820             | 1.629.324.463             |
| Cổ tức được chia                     | 852.800.000               | 1.607.720.000             |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 17.964.618.960            | 18.971.516.613            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 483.524.074               | -                         |
| Chiết khấu thanh toán                | 375.405.155               | 221.180.475               |
|                                      | 23.727.760.009            | 22.429.741.551            |

**27. Chi phí tài chính**

|                                                | <b>2017</b><br><b>VND</b> | <b>2016</b><br><b>VND</b> |
|------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay                                | 23.236.822.617            | 20.287.863.766            |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện              | 5.107.794.550             | 10.367.459.886            |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện            | -                         | 11.319.380.521            |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư | (11.699.357.801)          | 13.992.078.330            |
| Chi phí tài chính khác                         | 3.873.011                 | -                         |
|                                                | 16.649.132.377            | 55.966.782.503            |

**28. Chi phí bán hàng**

|                           | <b>2017</b><br><b>VND</b> | <b>2016</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên         | 7.268.584.922             | 5.115.006.212             |
| Chi phí vật liệu, bao bì  | 1.075.395.569             | 851.263.277               |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng  | 5.444.704.507             | 4.882.968.033             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 72.383.717.014            | 62.010.148.935            |
| Chi phí khác              | 15.845.567.046            | 13.411.477.589            |
|                           | 102.017.969.058           | 86.270.864.046            |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <b>2017<br/>VND</b>   | <b>2016<br/>VND</b>        |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------------|
| Chi phí nhân viên                | 56.372.328.212        | 46.919.264.896             |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 2.520.011.338         | 5.534.246.355              |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.659.484.779         | 4.935.533.037              |
| Thuế, phí và lệ phí              | 3.318.269.663         | 2.605.257.737              |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 18.219.403.876        | 15.290.760.939             |
| Chi phí khác                     | 20.725.625.987        | 18.459.546.550             |
|                                  | <hr/> 107.815.123.855 | <hr/> 93.744.609.514 <hr/> |

**30. Thu nhập khác**

|                                   | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b>       |
|-----------------------------------|---------------------|---------------------------|
| Lãi do thanh lý tài sản cố định   | 643.739.013         | -                         |
| Giảm công nợ đối với nhà cung cấp | 19.371.177          | 208.185.370               |
| Các khoản thu nhập khác           | 1.707.515.435       | 1.880.263.558             |
|                                   | <hr/> 2.370.625.625 | <hr/> 2.088.448.928 <hr/> |

**31. Chi phí khác**

|                                   | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b>       |
|-----------------------------------|---------------------|---------------------------|
| Lỗ do thanh lý tài sản cố định    | -                   | 807.886.816               |
| Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế | 817.619.043         | 571.233.078               |
| Các khoản chi phí khác            | 851.972.868         | 666.792.632               |
|                                   | <hr/> 1.669.591.911 | <hr/> 2.045.912.526 <hr/> |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|                                                | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 2.246.560.034.607   | 1.865.829.318.223   |
| Chi phí nhân viên                              | 775.963.726.512     | 612.784.602.266     |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 109.829.031.468     | 92.830.632.898      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác      | 577.969.177.951     | 549.120.458.368     |
|                                                | <hr/>               | <hr/>               |

**33. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

|                                      | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|
| <b>Chi phí thuế hiện hành</b>        |                     |                     |
| Năm hiện hành                        | 5.302.968.132       | 3.984.640.246       |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | -                   | 250.091             |
|                                      | <hr/>               | <hr/>               |
|                                      | 5.302.968.132       | 3.984.890.337       |
|                                      | <hr/>               | <hr/>               |

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                                                          | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                                             | 85.910.676.360      | 77.026.169.609      |
|                                                                          | <hr/>               | <hr/>               |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty                                     | 8.591.067.636       | 7.702.616.961       |
| Ưu đãi thuế                                                              | (4.511.202.164)     | (3.690.038.275)     |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác | 525.764.584         | 260.385.903         |
| Chi phí không được khấu trừ thuế                                         | 281.211.432         | 163.020.063         |
| Thu nhập không bị tính thuế                                              | (85.280.000)        | (160.772.000)       |
| Giảm thuế                                                                | (259.763.200)       | (226.169.835)       |
| Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại                    | 761.169.844         | (64.402.571)        |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước                                     | -                   | 250.091             |
|                                                                          | <hr/>               | <hr/>               |
|                                                                          | 5.302.968.132       | 3.984.890.337       |
|                                                                          | <hr/>               | <hr/>               |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|                                                 | <b>2017</b><br><b>VND</b> | <b>2016</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>   |                           |                           |
| Cổ tức công bố và đã trả                        | 26.856.205.000            | 32.227.446.000            |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                         | 1.567.289.268             | 488.782.995               |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                         | 15.389.867.197            | 16.294.488.276            |
| Lãi vay nhập gốc vay                            | 6.138.075.736             | -                         |
| Vay nhận được trong năm                         | -                         | 203.306.348.643           |
| Chi phí lãi vay                                 | -                         | 3.074.279.966             |
| <b>Các công ty con</b>                          |                           |                           |
| <b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>       |                           |                           |
| Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ                | 2.876.470.934             | 5.461.260.056             |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                         | 898.532.575               | 4.057.822.998             |
| <b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>  |                           |                           |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                         | 107.668.573.759           | 114.318.770.870           |
| Cổ tức nhận được                                | 642.800.000               | 642.800.000               |
| <b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>     |                           |                           |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                         | 133.832.196               | 538.444.316               |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                         | 51.498.941.121            | 53.331.035.249            |
| Cổ tức nhận được                                | -                         | 487.620.000               |
| <b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>  |                           |                           |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                         | 726.929.423               | 656.992.311               |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                         | 68.951.340.421            | 52.642.524.481            |
| Góp vốn                                         | -                         | 5.500.000.000             |
| Cổ tức nhận được                                | -                         | 267.300.000               |
| <b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b> |                           |                           |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                         | 132.572.405.015           | 39.362.050.475            |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                         | 10.846.902.434            | -                         |
| Góp vốn                                         | -                         | 11.020.000.000            |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|                                                                     | <b>2017</b>    | <b>2016</b>    |
|---------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
|                                                                     | <b>VND</b>     | <b>VND</b>     |
| <b>Công ty Cổ phần May Hiệp Đức</b>                                 |                |                |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                                             | 217.872.776    | -              |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                                             | 15.838.649.533 | 20.369.575.109 |
| Góp vốn                                                             | -              | 10.000.000.000 |
| <b>Các công ty liên kết</b>                                         |                |                |
| <b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>                       |                |                |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                                             | 522.872.587    | -              |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                                             | 49.768.940.859 | 36.628.694.928 |
| <b>Các công ty liên quan khác</b>                                   |                |                |
| <b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>                               |                |                |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                                             | 839.213.529    | 40.049.455     |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                                             | 22.380.041     | 60.613.132     |
| <b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>                                 |                |                |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                                             | 24.319.226.211 | 19.120.584.318 |
| <b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</b>                         |                |                |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                                             | -              | 1.990.310.484  |
| <b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>                                  |                |                |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                                             | 169.578.922    | -              |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                                             | 1.174.424.000  | 4.022.368.988  |
| <b>Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà</b>                      |                |                |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                                             | 14.016.243.651 | 13.818.448.173 |
| <b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát</b> |                |                |
| Tiền lương và thưởng                                                | 8.241.949.436  | 7.652.015.788  |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

|                                                                                               | 2017<br>VND   | 2016<br>VND   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Mua tài sản cố định chưa thanh toán                                                           | 6.941.605.516 | 4.057.584.345 |
| Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ                                                     | 852.800.000   | 1.397.720.000 |
| Lãi vay nhập gốc vay                                                                          | 6.138.075.736 | -             |
| Lãi tiền gửi nhập gốc tiền gửi có kỳ hạn                                                      | 269.234.264   | -             |
| Góp vốn vào công ty con thông qua bù trừ công nợ                                              | -             | 5.500.000.000 |
| Tăng các khoản phải thu ngắn hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con          | -             | 1.008.485.314 |
| Giảm hàng tồn kho do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con                         | -             | 2.497.242.580 |
| Giảm tài sản cố định và chi phí trả trước do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con | -             | 986.610.290   |
| Tăng đầu tư vào công ty con do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con               | -             | 2.000.000.000 |
| Giảm các khoản phải trả ngắn hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc thành công ty con          | -             | 475.367.556   |

**36. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

  
 Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:

  
 Nguyễn Văn Cường  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Đức Trí  
 Tổng Giám đốc

